PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 19/2011/TT-BTNMT	*Hà Nội, ngày 10 tháng 6 năm 2011*

THÔNG TƯ
Quy định kỹ thuật về lập quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo

Căn cứ Nghị định số 25/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường, đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 19/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2010 và Nghị định số 89/2010/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2010 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 25/2009/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2009 của Chính phủ về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo;

Xét đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam, Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ và Vụ trưởng Vụ Pháp chế,

QUY ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Quy định kỹ thuật về lập quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2011.

Điều 3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ven biển, Tổng cục trưởng Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Văn Đức

QUY ĐỊNH KỸ THUẬT VỀ LẬP QUY HOẠCH, ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG BIỂN, HẢI ĐẢO

(Ban hành kèm theo Thông tư số 19/2011/TT-BTNMT ngày 10 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định kỹ thuật về việc lập quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo.

2. Quy hoạch sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo là thiết lập phương án sử dụng hợp lý tài nguyên, giải quyết các mối tương tác giữa các phương thức sử dụng và mâu thuẫn giữa các quy hoạch chuyên ngành nhằm cân bằng giữa nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường biển, hải đảo.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với tất cả các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc lập, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo.

Điều 3. Yêu cầu đối với việc lập quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo

1. Tuân thủ các bước công việc, quy trình, quy chuẩn kỹ thuật đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành khi tiến hành các bước trong quá trình lập quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo;

2. Việc phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo phải bảo đảm tính thống nhất, khách quan, chính xác, đầy đủ;

3. Bảo đảm tính tổng hợp, hệ thống; phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và đặc điểm, vị trí địa lý, quy luật tự nhiên của các vùng biển, vùng ven biển và hải đảo; bảo đảm sử dụng bền vững tài nguyên biển, thúc đẩy sự phát triển kinh tế biển, hải đảo; bảo đảm an toàn trên biển;

4. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường, hài hòa lợi ích của các ngành, lĩnh vực và địa phương trong việc khai thác, sử dụng tài nguyên biển, hải đảo.

Chương II
QUY ĐỊNH VỀ LẬP QUY HOẠCH SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG BIỂN, HẢI ĐẢO

Điều 4. Thu thập thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ

1. Các thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ cần thu thập để phục vụ cho công tác lập quy hoạch sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo bao gồm:

a) Điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên, hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên, hiện trạng môi trường và công tác bảo vệ môi trường:

- Điều kiện tự nhiên: vị trí địa lý; địa hình, địa mạo, địa chất, tân kiến tạo và địa động lực hiện đại; điều kiện khí hậu, thời tiết (nhiệt độ, nắng, lượng mưa, bốc hơi, độ ẩm không khí, gió, bão, lốc, tố, vòi rồng…); điều kiện thủy văn, hải văn (mạng lưới sông suối vùng cửa sông, dòng chảy, thủy triều, độ mặn, nhiệt độ, sóng, nước dâng do bão và gió mùa, hoàn lưu các khối nước, sóng thần);

- Tài nguyên thiên nhiên: tài nguyên vị thế, tài nguyên đất, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, tài nguyên sinh vật và đa dạng sinh học, tài nguyên năng lượng, tài nguyên khí hậu;

- Hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên biển của tổ chức, cá nhân;

- Hiện trạng môi trường, ô nhiễm môi trường, công tác bảo vệ môi trường (hiện trạng môi trường đất, nước, không khí, đa dạng sinh học ven biển, hải đảo); công tác quản lý chất thải, kiểm soát ô nhiễm biển, hải đảo của các Bộ, ngành, địa phương ven biển và tổ chức, cá nhân có liên quan; hệ thống xử lý rác thải, nước thải ven biển (mức độ, quy mô); các nguồn thải chính và tải lượng chất thải ra biển; các điểm nóng, nhạy cảm về môi trường; các vùng bờ biển dễ bị tổn thương;

- Thông tin tổng hợp về các hải đảo: diện tích, điều kiện tự nhiên, các loại tài nguyên, tình hình khai thác, sử dụng các tài nguyên trên đảo.

b) Thực trạng phát triển kinh tế - xã hội vùng ven biển và hải đảo:

- Tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế; hiện trạng phát triển các ngành, các lĩnh vực; quy hoạch phát triển các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu nghỉ dưỡng, du lịch ven biển, hải đảo;

- Dân số, lao động, việc làm và thu nhập; tập quán có liên quan đến khai thác, sử dụng tài nguyên biển, hải đảo;

- Thực trạng phân bố, mức độ phát triển các đô thị và các khu dân cư nông thôn vùng ven biển, hải đảo;

- Cơ sở hạ tầng kỹ thuật: trên đất liền ven biển (giao thông, năng lượng, bưu chính, viễn thông, cảng, vận tải thủy, cơ sở đóng, sửa chữa tàu biển, nhà máy, xí nghiệp…); các công trình nổi, ngầm dưới đáy biển (đường ống, cáp ngầm…), các công trình phục vụ quốc phòng, an ninh trên biển, đảo;

- Cơ sở hạ tầng xã hội: văn hóa thông tin, y tế giáo dục - đào tạo, thể dục - thể thao;

- Thông tin về các vùng kinh tế trọng điểm ven biển, đảo.

c) Thông tin về chiến lược, quy hoạch, chính sách, pháp luật gồm:

- Chiến lược biển của Việt Nam;

- Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, vùng lãnh thổ, địa phương;

- Chiến lược, quy hoạch phát triển chuyên ngành, lĩnh vực;

- Chính sách, pháp luật có liên quan đến quản lý, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo.

d) Thông tin về các tổ chức, cá nhân có liên quan đến quá trình quản lý, bảo vệ, sử dụng tài nguyên và môi trường biển, hải đảo; vai trò và năng lực của các bên liên quan;

đ) Thông tin, tài liệu, số liệu về tình hình quản lý tài nguyên biển, hải đảo; các tiến bộ khoa học và công nghệ được áp dụng có liên quan đến việc khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo;

e) Thông tin, tài liệu về các khu vực có vị thế trọng yếu liên quan đến an ninh, quốc phòng;

g) Bản đồ hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên biển, hải đảo và bản đồ quy hoạch phát triển của các ngành, lĩnh vực liên quan đến vùng biển, ven biển và hải đảo.

2. Phân loại và đánh giá các thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ; xác định các thông tin, tài liệu và số liệu còn thiếu và lập kế hoạch điều tra thu thập bổ sung thông tin, tài liệu, số liệu và bản đồ.

Điều 5. Điều tra thực địa bổ sung thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ

1. Nội dung điều tra thực địa bổ sung thông tin, tài liệu, số liệu bản đồ gồm:

a) Thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ còn thiếu; số liệu, hiện trạng các loại tài nguyên:

- Tài nguyên đất: đặc điểm các loại đất tại vùng ven biển và các hải đảo (đặc điểm hình thành, đặc điểm phân bố, các loại đất, một số tính chất hóa lý đặc trưng); diện tích đất ngập nước ven biển, đất bãi bồi ven biển, diện tích các đầm phá ven biển; phân tích một số tính chất đặc trưng về địa hóa trầm tích vùng ven bờ;

- Tài nguyên nước: các đặc trưng về lưu lượng, trữ lượng, chất lượng của nguồn nước mưa, nước mặt, nước dưới đất tại các vùng ven biển và các hải đảo;

- Tài nguyên rừng: tình hình phát triển các loại rừng: rừng ngập mặn, rừng phòng hộ ven biển, rừng trên các đảo; đặc điểm thảm thực vật, tỷ lệ che phủ; động vật rừng, các nguồn gen quý hiếm; yêu cầu bảo vệ và khả năng khai thác, sử dụng;

- Tài nguyên sinh vật biển: thành phần loài, mật độ, tình hình phân bố và trữ lượng (động vật, thực vật, phù du, động vật đáy, cá);

- Tài nguyên khoáng sản: trữ lượng, chất lượng, khả năng khai thác các loại khoáng sản và vị trí phân bố (dầu, khí, băng cháy, than, sắt, titan-zicon, sa khoáng, vật liệu xây dựng…);

- Tài nguyên năng lượng tái tạo: đặc điểm của các dạng tài nguyên năng lượng tái tạo như: nắng, gió, sóng, thủy triều…;

- Tài nguyên vị thế: các lợi thế về vị trí địa lý trong xây dựng hệ thống cảng biển, phát triển hàng hải, phát triển du lịch và bảo đảm an ninh - quốc phòng.

b) Tình hình, mức độ, thực trạng khai thác, sử dụng tài nguyên vị thế, tài nguyên đất, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, tài nguyên sinh vật và đa dạng sinh học, tài nguyên năng lượng, tài nguyên khí hậu của các tổ chức, cá nhân;

c) Hiện trạng môi trường, ô nhiễm môi trường và công tác bảo vệ môi trường biển, hải đảo; công tác quản lý chất thải và kiểm soát ô nhiễm biển, hải đảo; hệ thống xử lý rác thải, nước thải ven biển (mức độ, quy mô); xác định các vùng ô nhiễm nghiêm trọng;

d) Tình hình thực hiện quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của các Bộ, ngành, địa phương ven biển; xác định các mâu thuẫn và sự tương thích trong việc thực hiện quy hoạch giữa các Bộ, ngành và địa phương liên quan đến việc quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo;

đ) Thông tin, tài liệu về một số đảo, cụm đảo đặc trưng, quan trọng gồm:

- Điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên và tai biến tự nhiên trên các đảo;

- Hiện trạng quản lý, khai thác sử dụng các nguồn tài nguyên trên các đảo;

- Hiện trạng môi trường và công tác bảo vệ môi trường trên các đảo;

- Tình hình thực hiện quy hoạch phát triển kinh tế đảo (nếu có).

e) Xác định vị trí, quy mô, diện tích và mức độ tổn thương của các vùng nhạy cảm, dễ bị tổn thương như: bãi bồi, vùng bờ biển xói lở, rừng phòng hộ, đất ngập nước, cát ven biển và các hệ sinh thái (san hô, cỏ biển…);

g) Xác định vị trí, quy mô, diện tích các công trình hạ tầng kỹ thuật trên thực địa.

2. Chỉnh lý bổ sung tài liệu, số liệu, bản đồ cho phù hợp với thực tế.

3. Xử lý sơ bộ các thông tin, tài liệu, số liệu và bản đồ: tổng hợp, lựa chọn, thống nhất thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ; chuẩn hóa tài liệu, số liệu, bản đồ đã thu thập, điều tra bổ sung.

4. Lập báo cáo đánh giá các thông tin, tài liệu, số liệu và bản đồ đã thu thập và kết quả điều tra; xác định cơ sở pháp lý của các tài liệu, số liệu, bản đồ.

Điều 6. Tổng hợp nhu cầu khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo

1. Tổng hợp tình hình và nhu cầu quản lý, khai thác sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo của các Bộ, ngành:

a) Tình hình quản lý, khai thác sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo;

b) Đánh giá tình hình thực hiện quy hoạch chuyên ngành có liên quan đến khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo;

c) Nhu cầu khai thác sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo thuộc lĩnh vực quản lý.

2. Tổng hợp tình hình và nhu cầu quản lý, khai thác sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo của các địa phương ven biển:

a) Tình hình quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên biển của địa phương;

b) Đánh giá hiện trạng ô nhiễm, suy thoái môi trường biển, hải đảo từ các nguồn phát sinh do hoạt động khai thác, sử dụng biển, hải đảo và các sự cố hoặc thiên tai trên biển thuộc địa bàn quản lý;

c) Thống kê, phân loại, đánh giá tài nguyên các vùng biển, đảo, quần đảo, bãi ngầm do địa phương quản lý;

d) Đánh giá tình hình thực hiện quy hoạch chuyên ngành có liên quan đến khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo của địa phương;

đ) Nhu cầu khai thác sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo của địa phương.

Điều 7. Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên, hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên; chất lượng môi trường

1. Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên và đánh giá các lợi thế, hạn chế về điều kiện tự nhiên trong việc phát triển kinh tế biển, bảo vệ môi trường góp phần đảm bảo quốc phòng, an ninh trên biển.

2. Phân tích, đánh giá và dự báo xu thế các nguồn tài nguyên, hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên biển, hải đảo, gồm:

a) Mức độ hợp lý giữa khả năng đáp ứng với nhu cầu khai thác, sử dụng các loại tài nguyên;

b) Tính bền vững trong việc khai thác, sử dụng tài nguyên;

c) Phương thức khai thác, sử dụng tài nguyên;

d) Tác động của việc khai thác tài nguyên đối với môi trường, hệ sinh thái và đa dạng sinh học.

3. Đánh giá chất lượng môi trường biển, hải đảo; công tác quản lý chất thải, kiểm soát ô nhiễm biển, hải đảo của Bộ, ngành, địa phương ven biển và tổ chức, cá nhân có liên quan; hệ thống xử lý rác thải, nước thải ven biển (mức độ, quy mô); các nguồn thải chính và tải lượng chất thải ra biển; các điểm nóng, nhạy cảm về môi trường và dự báo mức độ, quy mô ô nhiễm môi trường biển, hải đảo.

4. Đánh giá tổng hợp điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên:

a) Tổng hợp và đánh giá các lợi thế, hạn chế về điều kiện tự nhiên, các nguồn tài nguyên trong việc khai thác sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo. Đánh giá đặc điểm của một số tài nguyên đặc thù;

b) So sánh các lợi thế, hạn chế về điều kiện tự nhiên của các vùng và các mâu thuẫn, xung đột trong quản lý và sử dụng tài nguyên giữa các vùng có chung tài nguyên, các địa phương và giữa các ngành kinh tế.

5. Xây dựng báo cáo đánh giá điều kiện tự nhiên, các nguồn tài nguyên và hiện trạng môi trường vùng biển, ven biển và hải đảo.

6. Xử lý và hoàn thiện các bản đồ chuyên đề đã thu thập được, tổng hợp thành lập bản đồ hiện trạng: bản đồ khí hậu, thủy - hải văn; bản đồ tài nguyên đất, nước, rừng, tài nguyên sinh vật biển, các khu bảo tồn, bản đồ địa chất, địa chất thủy văn, khoáng sản; bản đồ địa hình vùng ven biển, hải đảo, thềm lục địa.

Điều 8. Phân tích, đánh giá thực trạng và các chính sách phát triển kinh tế - xã hội liên quan đến việc sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo

1. Phân tích, đánh giá tổng hợp thực trạng phát triển kinh tế nói chung tác động đến việc sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo.

2. Phân tích, đánh giá thực trạng phát triển của các ngành kinh tế liên quan đến biển, hải đảo; tác động của thực trạng phát triển các ngành kinh tế biển đến việc sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo.

3. Phân tích khái quát hiện trạng dân số, lao động và việc làm tác động đến việc sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo.

4. Đánh giá thực trạng phân bố, phát triển của các đô thị và khu dân cư nông thôn vùng ven biển và hải đảo.

5. Phân tích, đánh giá hiện trạng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội vùng ven biển và hải đảo.

6. Phân tích, đánh giá các chính sách phát triển kinh tế - xã hội liên quan đến việc sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo.

7. Phân tích, đánh giá tình hình thực hiện chiến lược biển Việt Nam và các chiến lược, quy hoạch ngành, lĩnh vực.

8. Phân tích, đánh giá các chính sách, pháp luật ảnh hưởng đến việc quản lý, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo.

9. Xây dựng báo cáo về thực trạng phát triển kinh tế - xã hội tác động đến tài nguyên và môi trường biển, hải đảo.

10. Xây dựng các biểu đồ, bảng biểu số liệu về kinh tế - xã hội.

Điều 9. Xác định mục tiêu, quan điểm và định hướng sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo

1. Căn cứ để xác định mục tiêu, quan điểm, định hướng sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo:

a) Chiến lược phát triển kinh tế biển của Việt Nam;

b) Hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo;

c) Hiện trạng quy hoạch sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo;

d) Giá trị tài nguyên và mức độ dễ bị tổn thương của môi trường biển và hải đảo.

2. Xác định mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể cho việc sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo

3. Xác định quan điểm và định hướng sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo, gồm:

a) Quan điểm và định hướng sử dụng đất, mặt nước cho các mục đích: nông, lâm, diêm nghiệp, nuôi trồng thủy, hải sản, công nghiệp, cảng, hàng hải, dịch vụ, du lịch, dân cư và đô thị; an ninh, quốc phòng;

b) Quan điểm và định hướng khai thác, sử dụng tài nguyên nước cho mục đích sinh hoạt, nông nghiệp, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ và các nhu cầu khác;

c) Quan điểm và định hướng khai thác, chế biến, tiêu thụ (trong nước và xuất khẩu) thủy, hải sản;

d) Quan điểm và định hướng khai thác, sử dụng dầu, khí và các loại khoáng sản khác (nếu có);

đ) Quan điểm và định hướng khai thác, sử dụng tài nguyên vị thế, cảnh quan để phát triển các lĩnh vực cảng, hàng hải, du lịch, dịch vụ;

e) Quan điểm và định hướng phát triển về khai thác, sử dụng một số nguồn năng lượng tái tạo (gió, sóng, thủy triều, mặt trời…) cho mục đích phát triển kinh tế - xã hội;

g) Quan điểm và định hướng về quản lý, khai thác các hệ sinh thái có giá trị bảo tồn (khu bảo tồn thiên nhiên, vùng Ramsar, rừng ngập mặn, rạn san hô, cỏ biển…);

h) Quan điểm và định hướng về các giải pháp bảo vệ các vùng bờ biển dễ bị tổn thương (bãi bồi, vùng bờ biển xói lở, rừng phòng hộ, đất ngập nước, cát ven biển, vùng đệm), các vùng nhạy cảm (điểm nóng môi trường);

4. Xác định tiêu chí quy hoạch sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo trên nguyên tắc:

a) Khai thác, sử dụng tài nguyên biển, hải đảo phải hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả và bền vững, bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học;

b) Khai thác, sử dụng tài nguyên biển, hải đảo kết hợp quốc phòng, an ninh, đối ngoại, nhằm giữ vững độc lập chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ của tổ quốc;

c) Khai thác, sử dụng tài nguyên biển, hải đảo trên cơ sở đẩy mạnh nghiên cứu và hợp tác quốc tế trong lĩnh vực ứng dụng khoa học - công nghệ, đáp ứng yêu cầu đổi mới, phục vụ hiệu quả quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

5. Xây dựng báo cáo và hệ thống bảng biểu tổng hợp định hướng khai thác, sử dụng các loại tài nguyên phục vụ việc xây dựng các phương án quy hoạch.

6. Xây dựng báo cáo và hệ thống bảng biểu tổng hợp định hướng các vùng bờ biển dễ bị tổn thương để có biện pháp quản lý, bảo vệ.

Điều 10. Xây dựng quy hoạch sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo

1. Xây dựng các phương án quy hoạch, xác định và thể hiện trên bản đồ vị trí, diện tích các vùng sử dụng mặt đất, mặt biển, đáy biển, hải đảo phục vụ cho mục đích:

a) Phát triển kinh tế biển: sản xuất nông nghiệp, làm muối; nuôi trồng, đánh bắt thủy, hải sản; khai thác, lưu giữ, chế biến khoáng sản, dầu, khí; xây dựng các khu công nghiệp, khu kinh tế gắn với phát triển các khu đô thị ven biển, hải đảo; xây dựng cảng, cơ sở đóng và sửa chữa tàu biển; khai thác, sử dụng năng lượng sạch, tái tạo; phát triển du lịch biển, ven biển, hải đảo...;

b) Bảo đảm quốc phòng, an ninh: xác định các vùng cấm khai thác, vùng khai thác có điều kiện, khu vực cần bảo vệ đặc biệt;

c) Bảo vệ môi trường, các hệ sinh thái và phát triển các khu bảo tồn thiên nhiên; xác định các vùng lõi, vùng đệm cho các khu bảo tồn thiên nhiên, khu dự trữ sinh quyển;

d) Bảo vệ các vùng bờ biển dễ bị tổn thương: bãi bồi ven biển, vùng bờ biển xói lở; vùng cát ven biển; vùng đất ngập nước ven biển; phát triển rừng ngập mặn, rừng phòng hộ ven biển;

đ) Bảo vệ các công trình nổi, ngầm trên biển.

2. Tổ chức lấy ý kiến của tổ chức, cá nhân có liên quan đến khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo để lựa chọn phương án quy hoạch sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo.

3. Xử lý các chồng chéo, những bất hợp lý về nhu cầu sử dụng tài nguyên biển và hải đảo của các ngành, lĩnh vực, các địa phương; điều chỉnh, thống nhất các chỉ tiêu sử dụng tài nguyên biển, hải đảo.

4. Lựa chọn phương án quy hoạch sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo. Để lựa chọn phương án quy hoạch sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo cần tiến hành:

a) Phân tích, đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội và môi trường của các phương án quy hoạch sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo:

- Đánh giá hiệu quả phát triển kinh tế nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ thông qua việc khai thác, sử dụng tài nguyên biển, hải đảo theo từng phương án quy hoạch;

- Đánh giá hiệu quả xã hội của từng phương án quy hoạch sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo;

- Đánh giá khả năng khai thác, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên và tác động đến môi trường của từng phương án quy hoạch sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo;

- Đánh giá vấn đề tôn tạo di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, bảo tồn văn hóa các dân tộc của từng phương án quy hoạch sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo;

- Đánh giá khung pháp lý và thể chế, năng lực quản lý của quốc gia, địa phương, năng lực của các bên liên quan tham gia thực hiện quy hoạch.

b) Lựa chọn phương án quy hoạch sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo và lộ trình thực hiện

- Tổng hợp các phân tích, đánh giá chọn phương án quy hoạch sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo hợp lý;

- Lập hệ thống bảng biểu quy hoạch sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo của phương án chọn;

- Xây dựng báo cáo phương án quy hoạch sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo;

- Phân tích, lựa chọn và sắp xếp lộ trình các dự án ưu tiên, kiến nghị Nhà nước ưu tiên theo ngành, lĩnh vực có thế mạnh, có điều kiện phát triển ổn định và bền vững.

c) Xây dựng bản đồ quy hoạch sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo: thể hiện phương án quy hoạch các vùng sử dụng mặt đất, mặt biển, đáy biển, hải đảo phục vụ cho mục đích phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường, bảo tồn hệ sinh thái và các công trình nổi ngầm trên biển; các vùng bờ biển dễ bị tổn thương.

Điều 11. Xác định các giải pháp tổ chức thực hiện quy hoạch sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo

1. Các giải pháp kinh tế:

a) Huy động các nguồn vốn để thực hiện quy hoạch và các hoạt động quản lý quy hoạch sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo;

b) Các cơ chế khuyến khích về tài chính và chế tài áp dụng trong quá trình thực hiện quy hoạch sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo.

2. Các giải pháp về luật pháp, cơ chế, chính sách:

a) Thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo;

b) Kiểm soát tình trạng khai thác, sử dụng các loại tài nguyên không theo quy hoạch như: bãi bồi, rừng ngập mặn, khoáng sản, nước mặt, nước ngầm; khai thác thủy, hải sản bằng các biện pháp hủy diệt, phá hủy các hệ sinh thái và đa dạng sinh học…;

c) Tuyên truyền nâng cao nhận thức về bảo vệ chủ quyền, lợi ích quốc gia trên biển; khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo; khuyến khích các tổ chức, cá nhân chủ động, tích cực tham gia các hình thức tuyên truyền trong cộng đồng về việc thực hiện chính sách, pháp luật quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo;

d) Khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư cho các dự án để khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo theo quy định của pháp luật;

đ) Hỗ trợ việc nghiên cứu, xây dựng và phổ biến các mô hình quản lý dựa vào cộng đồng đối với việc quản lý, khai thác tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo.

3. Các giải pháp về nguồn nhân lực:

a) Đào tạo và khuyến khích các doanh nghiệp, tổ chức xã hội cùng tham gia đào tạo, xây dựng đội ngũ làm công tác nghiên cứu, điều tra, khảo sát, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo;

b) Đào tạo nghề, chuyển đổi cơ cấu lao động đối với người dân vùng ven biển, hải đảo.

4. Các giải pháp về khoa học công nghệ:

a) Ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ có liên quan đến quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo, nhằm tăng hiệu quả sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo;

b) Tăng cường năng lực điều tra, khảo sát, đánh giá tài nguyên, nghiên cứu khí tượng thủy - hải văn và môi trường biển và hải đảo.

5. Giải pháp về hợp tác quốc tế: tăng cường hợp tác với các nước, các tổ chức nước ngoài, các tổ chức quốc tế trong việc thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch:

a) Xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo;

b) Điều tra, nghiên cứu tài nguyên và môi trường biển, hải đảo;

c) Khai thác bền vững tài nguyên biển trên nguyên tắc giữ vững độc lập chủ quyền quốc gia, toàn vẹn lãnh thổ, bảo đảm an ninh, quốc phòng trên biển;

d) Bảo vệ tính đa dạng sinh học biển và duy trì năng suất, tính đa dạng của hệ sinh thái biển và đới bờ;

đ) Xử lý chất thải từ hoạt động kinh tế biển, xử lý ô nhiễm biển, ứng phó sự cố tràn dầu, thích ứng với biến đổi khí hậu.

Điều 12. Xây dựng kế hoạch chi tiết thực hiện quy hoạch sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo

1. Khái quát phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong các thời kỳ của cả nước và của các ngành, lĩnh vực, địa phương.

2. Xác định và cụ thể hóa các chỉ tiêu trong kế hoạch sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo hàng năm:

a) Xác định và cụ thể hóa các chỉ tiêu kế hoạch sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo:

- Tài nguyên vị thế;

- Tài nguyên đất;

- Tài nguyên nước;

- Tài nguyên khí hậu;

- Tài nguyên khoáng sản (dầu, khí và các loại khoáng sản khác);

- Tài nguyên sinh vật (rừng phòng hộ, rừng đặc dụng trên đảo, rừng ngập mặn, nguồn lợi thủy, hải sản, các hệ sinh thái);

- Tài nguyên năng lượng tái tạo;

- Các vùng sử dụng mặt biển, đáy biển, đảo phục vụ cho mục đích phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh; các vùng cấm khai thác, các vùng khai thác có điều kiện, khu vực cần bảo vệ đặc biệt cho mục đích quốc phòng, an ninh;

- Các vùng bờ biển dễ bị tổn thương, giải pháp quản lý, bảo vệ;

- Các vùng biển, ven biển, đảo bị ô nhiễm và có nguy cơ bị ô nhiễm môi trường, các giải pháp xử lý.

b) Xây dựng báo cáo và hệ thống bảng biểu kế hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo.

c) Lập danh mục các công trình, dự án lớn, mang tính quan trọng và cấp thiết đối với mục đích phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường trong kỳ kế hoạch, sắp xếp thứ tự ưu tiên, kiến nghị thực hiện.

d) Xác định các giải pháp tổ chức thực hiện kế hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo.

Điều 13. Tổ chức lấy ý kiến các Bộ, ngành và địa phương về phương án quy hoạch sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo

1. Lấy ý kiến của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an về các vùng sử dụng đất vùng ven biển, mặt biển, đáy biển, đảo và các khu vực cần bảo vệ đặc biệt cho mục đích quốc phòng, an ninh.

2. Lấy ý kiến của các Bộ: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Công thương, Xây dựng, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, về các vùng sử dụng đất vùng ven biển, mặt biển, đáy biển, đảo cho mục đích phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường.

3. Lấy ý kiến của Ủy ban nhân nhân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ven biển về định hướng khai thác, sử dụng vùng ven biển, đảo; giải pháp quản lý, bảo vệ bờ biển.

4. Lấy ý kiến của cơ quan, đơn vị có liên quan về quy hoạch sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo đã lựa chọn.

5. Chỉnh sửa hoàn thiện hồ sơ quy hoạch sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo theo ý kiến góp ý và trình duyệt.

Điều 14. Phê duyệt và công bố quy hoạch sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo

1. Hồ sơ đề nghị phê duyệt gồm:

a) Báo cáo thuyết minh tổng hợp quy hoạch sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo;

b) Báo cáo tóm tắt quy hoạch sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo (kèm theo bản đồ, sơ đồ thu nhỏ, bảng biểu, số liệu phân tích);

c) Bản đồ hiện trạng và bản đồ quy hoạch sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo;

d) Tổng hợp ý kiến góp ý của các Bộ, ngành và địa phương ven biển;

đ) Các tài liệu khác có liên quan.

2. Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam có trách nhiệm lập hồ sơ quy hoạch sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo trình Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường để trình Chính phủ xem xét, phê duyệt; công bố quy hoạch sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo sau khi được phê duyệt.

Chương III

QUY ĐỊNH ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG BIỂN, HẢI ĐẢO

Điều 15. Căn cứ điều chỉnh quy hoạch sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo

1. Thay đổi quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của cả nước.

2. Thay đổi điều kiện tự nhiên do tai biến tự nhiên, biến đổi khí hậu, các hoạt động kinh tế - xã hội của tổ chức, cá nhân làm biến đổi điều kiện tự nhiên của vùng;

3. Thực trạng khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo.

Điều 16. Thu thập bổ sung thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ

1. Các thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ cần thu thập tính đến thời điểm tiến hành điều chỉnh quy hoạch sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo gồm:

a) Điều kiện tự nhiên: các yếu tố khí hậu, thời tiết (nhiệt độ, nắng, lượng mưa, bốc hơi, độ ẩm không khí, gió bão, lốc tố, vòi rồng...); điều kiện thủy văn, hải văn (dòng chảy, thủy triều, độ mặn, nhiệt độ, sóng, nước dâng...);

b) Tài nguyên thiên nhiên: tài nguyên vị thế, tài nguyên đất, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, tài nguyên sinh vật và đa dạng sinh học, tài nguyên năng lượng, tài nguyên khí hậu;

c) Hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên biển của các tổ chức, cá nhân;

d) Hiện trạng môi trường, ô nhiễm môi trường; hiện trạng các vùng nhạy cảm, dễ bị tổn thương về môi trường;

đ) Thông tin tổng hợp về các hải đảo: diện tích, điều kiện tự nhiên, các loại tài nguyên, tình hình khai thác, sử dụng các tài nguyên trên đảo (nếu có).

2. Thực trạng phát triển kinh tế - xã hội: tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thực trạng phát triển các ngành, các lĩnh vực; dân số, lao động, việc làm và thu nhập; hiện trạng cơ sở hạ tầng kỹ thuật trên đất liền ven bờ (đường giao thông, cảng, cơ sở đóng, sửa chữa tàu biển, nhà máy, xí nghiệp…) các công trình nổi, ngầm dưới đáy biển (đường ống, cáp ngầm…), các công trình phục vụ quốc phòng, an ninh.

3. Thông tin, tài liệu, số liệu về tình hình khai thác và quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo; các tiến bộ khoa học và công nghệ có liên quan đến việc khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo.

4. Thông tin về các quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội cả nước, vùng; quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực.

5. Phân loại và đánh giá các thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ đã thu thập được; xác định các thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ cần bổ sung; xây dựng kế hoạch điều tra bổ sung thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ.

Điều 17. Điều tra bổ sung thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ

1. Nội dung điều tra bổ sung gồm:

a) Tình hình thực hiện quy hoạch sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo đến thời điểm thực hiện điều chỉnh quy hoạch, gồm: tình hình quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên; hiện trạng môi trường và công tác bảo vệ môi trường; hiệu quả các giải pháp quản lý, bảo vệ các vùng bờ biển dễ bị tổn thương;

b) Tình hình thực hiện quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch của các Bộ, ngành, địa phương vùng ven biển; xác định các mâu thuẫn, chồng chéo của các quy hoạch và điều chỉnh quy hoạch;

c) Xác định bổ sung các cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, khu kinh tế ven biển, cảng biển mới thành lập.

d) Xác định bổ sung các hệ thống xử lý nước thải, rác thải; các điểm xả thải; các vùng biển và ven biển bị ô nhiễm;

đ) Xác định bổ sung các khu bảo tồn biển, khu dự trữ sinh quyển mới thành lập;

e) Xác định bổ sung các vùng bờ biển dễ bị tổn thương (bãi bồi, xói lở bờ biển, rừng phòng hộ…), các vùng đệm.

2. Chỉnh lý, bổ sung tài liệu, số liệu, bản đồ phù hợp với thực tế.

3. Tổng hợp, xử lý, lựa chọn, thống nhất các thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ; chuẩn hóa các tài liệu, số liệu, bản đồ đã thu thập và điều tra bổ sung.

Điều 18. Đánh giá bổ sung về điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên, hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên và chất lượng môi trường

1. Đánh giá bổ sung điều kiện tự nhiên tác động đến quy hoạch sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo: khí hậu, thời tiết (nhiệt độ, nắng, lượng mưa, bốc hơi, độ ẩm không khí, gió bão, lốc tố, vòi rồng...); điều kiện thủy văn, hải văn (dòng chảy, thủy triều, độ mặn, nhiệt độ, sóng, nước dâng...).

2. Đánh giá sự thay đổi các nguồn tài nguyên ảnh hưởng đến quy hoạch sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo.

3. Đánh giá chất lượng môi trường biển, hải đảo; công tác quản lý chất thải, kiểm soát ô nhiễm biển, hải đảo của Bộ, ngành, địa phương ven biển và tổ chức, cá nhân có liên quan; hệ thống xử lý rác thải, nước thải ven biển (mức độ, quy mô); các nguồn thải chính và tải lượng chất thải ra biển; các điểm nóng, nhạy cảm về môi trường. và dự báo mức độ, quy mô ô nhiễm môi trường biển, hải đảo.

4. Đánh giá tổng hợp về điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên và hiện trạng môi trường trong việc khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo:

a) Tổng hợp và đánh giá các lợi thế, hạn chế về điều kiện tự nhiên, các nguồn tài nguyên trong việc khai thác sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo;

b) So sánh các lợi thế, hạn chế về điều kiện tự nhiên của các vùng và các mâu thuẫn, xung đột trong quản lý và sử dụng tài nguyên giữa các vùng có chung tài nguyên, các địa phương và giữa các ngành kinh tế.

5. Xây dựng báo cáo đánh giá bổ sung điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên và hiện trạng môi trường biển, hải đảo.

6. Xử lý và hoàn thiện các bản đồ chuyên đề đã thu thập được, tổng hợp thành lập bản đồ hiện trạng: bản đồ phân vùng khí hậu thủy - hải văn; bản đồ tài nguyên đất, nước, rừng, tài nguyên sinh vật biển, các khu bảo tồn, bản đồ địa chất, địa chất thủy văn, khoáng sản; bản đồ địa hình vùng ven biển, hải đảo, thềm lục địa...

Điều 19. Đánh giá bổ sung thực trạng phát triển kinh tế - xã hội

1. Khái quát hiện trạng phát triển kinh tế chung: tăng trưởng kinh tế (phân tích theo các chỉ tiêu tốc độ phát triển chung theo ngành, lĩnh vực, vùng lãnh thổ trong kỳ lập quy hoạch); chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành, lĩnh vực, vùng lãnh thổ.

2. Khái quát thực trạng và phát triển của các ngành kinh tế liên quan đến biển, đảo trong kỳ lập quy hoạch.

3. Hiện trạng dân số, lao động, việc làm.

4. Khái quát thực trạng phân bố, phát triển của các đô thị và khu dân cư nông thôn.

5. Khái quát hiện trạng phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội.

6. Các chính sách về phát triển kinh tế - xã hội tác động đến việc sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo trong kỳ lập quy hoạch.

7. Xây dựng các biểu đồ, bảng biểu số liệu về kinh tế - xã hội.

8. Xây dựng báo cáo đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội tác động đến việc sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo trong kỳ lập quy hoạch.

Điều 20. Đánh giá tình hình thực hiện quy hoạch sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường vùng biển, hải đảo

1. Chỉ tiêu đánh giá việc thực hiện quy hoạch sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường vùng biển, hải đảo:

a) Chỉ tiêu sử dụng, chuyển đổi diện tích đất, mặt nước các loại đối với từng ngành kinh tế, đời sống dân sinh và mục đích quốc phòng, an ninh;

b) Chỉ tiêu về khai thác, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên;

c) Chỉ tiêu về bảo vệ môi trường vùng biển, ven biển, hải đảo; bảo tồn đa dạng sinh học biển;

d) Chỉ tiêu về bảo vệ các vùng bờ biển dễ bị tổn thương.

2. Phân tích, đánh giá nguyên nhân của những tồn tại trong việc thực hiện quy hoạch sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo.

3. Xây dựng báo cáo kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo trong kỳ quy hoạch.

Điều 21. Xây dựng và lựa chọn phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo

1. Xác định các chỉ tiêu khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo trong kỳ điều chỉnh quy hoạch:

a) Chỉ tiêu về khai thác, sử dụng các loại tài nguyên biển, hải đảo;

b) Chỉ tiêu về bảo vệ môi trường, các hệ sinh thái, đa dạng sinh học;

c) Chỉ tiêu về bảo vệ các vùng bờ biển dễ bị tổn thương.

2. Xác định khả năng đáp ứng về số lượng, chất lượng cho nhu cầu khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo.

3. Xây dựng các phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo:

a) Phương án điều chỉnh quy hoạch các vùng sử dụng mặt đất, mặt biển, đáy biển, hải đảo phục vụ cho mục đích phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường:

b) Phương án điều chỉnh quy hoạch bảo vệ các vùng bờ biển dễ bị tổn thương:

c) Thể hiện trên bản đồ vị trí, diện tích các khu vực điều chỉnh quy hoạch.

4. Xử lý các chồng chéo, những bất hợp lý về nhu cầu sử dụng tài nguyên biển và hải đảo của các ngành, lĩnh vực, các địa phương; điều chỉnh, thống nhất các chỉ tiêu sử dụng tài nguyên biển, hải đảo:

a) Lồng ghép các bản đồ về nhu cầu sử dụng tài nguyên biển và hải đảo của các ngành, lĩnh vực trên nền bản đồ hiện trạng, đối chiếu với định hướng sử dụng tài nguyên biển, hải đảo;

b) Xử lý các chồng chéo, những bất hợp lý về nhu cầu sử dụng tài nguyên biển, hải đảo của các ngành, lĩnh vực;

c) Điều chỉnh, thống nhất các chỉ tiêu sử dụng tài nguyên biển, hải đảo.

5. Lựa chọn phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo:

a) Căn cứ vào kết quả phân tích hiệu quả về kinh tế - xã hội và môi trường của từng phương án quy hoạch để lựa chọn phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo hợp lý;

b) Lập hệ thống bảng biểu điều chỉnh quy hoạch sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo;

c) Xây dựng báo cáo phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo;

d) Phân tích, lựa chọn và sắp xếp các dự án ưu tiên, kiến nghị Nhà nước ưu tiên theo ngành, lĩnh vực có thế mạnh, có điều kiện khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo phục vụ phát triển ổn định và bền vững.

6. Xây dựng bản đồ điều chỉnh quy hoạch sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo: thể hiện các phương án điều chỉnh quy hoạch của vùng (các vùng sử dụng mặt đất, mặt biển, đáy biển, hải đảo phục vụ cho mục đích phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường).

7. Xác định các giải pháp tổ chức thực hiện phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo.

Điều 22. Xây dựng kế hoạch chi tiết thực hiện điều chỉnh quy hoạch sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo

1. Xác định và cụ thể hóa các chỉ tiêu sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo trong kỳ điều chỉnh quy hoạch

2. Lập danh mục các hoạt động cụ thể và thứ tự ưu tiên để quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo trong kỳ điều chỉnh quy hoạch

3. Xây dựng báo cáo về kế hoạch sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo trong kỳ điều chỉnh quy hoạch.

4. Xác định các giải pháp tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo trong kỳ điều chỉnh quy hoạch.

Điều 23. Tổ chức lấy ý kiến các Bộ, ngành và địa phương, phê duyệt và công bố điều chỉnh quy hoạch sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển hải đảo

1. Việc tổ chức lấy ý kiến các Bộ, ngành và địa phương về điều chỉnh quy hoạch sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo thực hiện theo quy định tại Điều 14 Thông tư này. Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam có trách nhiệm tổng hợp, tiếp thu, hoàn thiện bản điều chỉnh quy hoạch theo các ý kiến góp ý trước khí trình Chính phủ xem xét, phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo

2. Hồ sơ đề nghị phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo gồm:

a) Quy hoạch sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo đã được phê duyệt;

b) Báo cáo thuyết minh điều chỉnh quy hoạch sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo;

c) Bản đồ hiện trạng và bản đồ điều chỉnh quy hoạch sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo;

d) Tổng hợp ý kiến góp ý của các Bộ, ngành và địa phương ven biển;

đ) Các tài liệu khác có liên quan.

3. Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam có trách nhiệm lập hồ sơ điều chỉnh quy hoạch sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo trình Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường để trình Chính phủ xem xét, phê duyệt; công bố điều chỉnh quy hoạch sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo sau khi được phê duyệt.

Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 24. Tổng cục trưởng Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam chịu trách nhiệm quản lý, hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Thông tư này.

Điều 25. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài nguyên và Môi trường (qua Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam) để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Văn Đức